

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGUYỄN THỊ HẠNH VÂN

**GIÁM ĐỐC THẨM
TRONG LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM
(TRÊN CƠ SỞ SỐ LIỆU THỰC TIỄN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK)**

*Chuyên ngành: Luật hình sự và tổ tụng hình sự
Mã số: 60 38 01 40*

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2015

**Công trình được hoàn thành tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Nguyễn Ngọc Chí

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2015

Có thể tìm hiểu luận văn tại

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội**

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang

Trang phụ bìa

Lời cam đoan

Mục lục

Danh mục các chữ viết tắt

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THỦ TỤC GIÁM ĐỐC THẨM TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ	7
ĐỐC THẨM TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ	7
1.1. Khái niệm giám đốc thẩm	7
1.2. Vai trò, ý nghĩa của giám đốc thẩm trong quá trình giải quyết vụ án	12
1.3. Giám đốc thẩm trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam từ năm 1945 đến nay	14
1.3.1. Giám đốc thẩm từ năm 1945 đến năm 1960	14
1.3.2. Giám đốc thẩm từ năm 1960 đến trước năm 2003:	18
1.3.3. Giám đốc thẩm từ năm 2003 đến nay	25
1.4. Giám đốc thẩm trong luật tố tụng hình sự một số nước:	27
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG GIÁM ĐỐC THẨM	31
2.1. Pháp luật tố tụng hình sự hiện hành về giám đốc thẩm.	31
2.1.1. Kháng nghị giám đốc thẩm:	31
2.1.2. Thẩm quyền giám đốc thẩm.	56
2.1.3. Quyết định giám đốc thẩm.	58
2.1.4. Vai trò của Viện kiểm sát trong giám đốc thẩm.	62
2.1.5. Hiệu lực thi hành quyết định giám đốc thẩm.	62
2.2. Thực trạng giám đốc thẩm (trên số liệu của tỉnh Đắk Lắk từ năm 2009 đến năm 2013).	63
2.2.1. Tình hình giám đốc thẩm (5 năm):	63

2.2.2	Nguyên nhân của tình hình giám đốc thẩm.	67
CHƯƠNG 3: HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁM ĐỐC THẨM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CẢI CÁCH TƯ PHÁP		72
3.1.	Sự cần thiết phải hoàn thiện các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam năm 2003 về giám đốc thẩm.	72
3.1.1.	Bất cập từ thực tiễn giám đốc thẩm.	72
3.1.2.	Yêu cầu nâng cao hiệu quả của giám đốc thẩm trong bối cảnh cải cách tư pháp.....	79
3.2.	Nội dung sửa đổi, bổ sung các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về giám đốc thẩm.	79
3.2.1.	Về những người có quyền đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm: ...	79
3.2.2.	Về căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm.....	81
3.2.3.	Về thẩm quyền giám đốc thẩm	85
3.2.4.	Về thời hạn giám đốc thẩm.	86
3.2.5.	Về quyền hạn của Hội đồng giám đốc thẩm.	87
3.3.	Những giải pháp nâng cao hiệu quả giám đốc thẩm.....	91
KẾT LUẬN		96
TÀI LIỆU THAM KHẢO		97

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Có thể thấy trong những năm qua, phương châm chính của Đảng và Nhà Nước ta trong đấu tranh phòng, chống tội phạm là chủ động phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm, phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý công minh mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội. Hệ thống pháp luật nói chung, pháp luật tố tụng hình sự trong đó có thủ tục giám đốc thẩm nói riêng đang được các cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu đổi mới theo hướng nâng cao hiệu quả áp dụng, đáp ứng nhu cầu, đòi hỏi của thực tiễn để một mặt bảo vệ trật tự pháp luật, lợi ích của xã hội, mặt khác tôn trọng và bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Việc nghiên cứu làm sáng tỏ về mặt lý luận và các quy định của pháp luật TTHS về kháng nghị giám đốc thẩm; chỉ ra những hạn chế, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng và nguyên nhân của những hạn chế đó, từ đó đề ra những giải pháp nhằm tiếp tục hoàn thiện các quy định của pháp luật TTHS về kháng nghị giám đốc thẩm, là một yêu cầu cấp thiết trong tình hình hiện nay. Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài này, em chỉ tập trung nghiên cứu về việc giám đốc thẩm trên một địa bàn cụ thể là địa bàn tỉnh Đắk Lắk với đề tài: “*Giám đốc thẩm trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam (trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Lắk)*” để làm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Luật học - chuyên ngành Luật hình sự và Tố tụng hình sự.

2. Tình hình nghiên cứu:

Trong những năm gần đây, đã có nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến những khía cạnh khác nhau về thủ tục giám đốc thẩm trước yêu cầu cải cách tư pháp của các nhà nghiên cứu lý luận và thực tiễn như:

- Về giáo trình, sách chuyên khảo có: “*Giám đốc thẩm, tái thẩm về*

hình sự - Những vấn đề lý luận và thực tiễn” của tác giả Đinh Văn Quế, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 1997;

- Dưới góc độ đề tài, luận văn, luận án nghiên cứu: “*Nâng cao hiệu quả công tác giám đốc việc xét xử các vụ án hình sự*”, do Ths. Đinh Văn Quế chủ biên, năm 2005; luận án Tiến sĩ của tác giả Phan Thị Thanh Mai với đề tài “*Giám đốc thẩm trong tố tụng hình sự Việt Nam*”, năm 2007; luận văn Thạc sĩ của tác giả Quán Thị Ngọc Thảo với đề tài “*Giám đốc thẩm: một số vấn đề lý luận và thực tiễn*”, năm 2007; luận văn Thạc sĩ của tác giả Nguyễn Văn Trọng với đề tài “*Giám đốc thẩm trong luật TTHS*”, năm 1996;

- Dưới góc độ nghiên cứu là bài viết có tác giả Nguyễn Văn Hiện, “*Vấn đề thực tiễn, lý luận và yêu cầu hoàn thiện thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm các vụ án hình sự của Tòa án các cấp*”, Tạp chí TAND, tháng 3 năm 1997; Nguyễn Quang Hiền, “*Một số vấn đề về thủ tục giám đốc thẩm*”, Tạp chí TAND, số 7 năm 2009; Vũ Gia Lâm, “*Về căn cứ kháng nghị theo thủ tục tái thẩm trong BLTTHS năm 2003*”, Tạp chí Luật học, số 10 năm 2006; Lê Kim Quế, “*Một số vấn đề về giám đốc thẩm hình sự*”, Tạp chí TAND, số 14 năm 2006; Nguyễn Văn Trọng, “*Thực trạng thi hành quy định của BLTTHS về phạm vi giám đốc thẩm và những vấn đề cần hoàn thiện*”, Tạp chí TAND, số 7 năm 2011; Đinh Văn Quế, “*Vấn đề kháng nghị giám đốc thẩm về “dân sự” trong vụ án hình sự*”, Tạp chí TAND, số 9 năm 2005; Đinh Văn Quế, “*Căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm theo BLTTHS năm 2003*”, Tạp chí TAND, số 22 năm 2004...

Qua nội dung các công trình nghiên cứu, các bài viết cũng như các giáo trình giảng dạy nêu trên cho thấy: các tác giả đã nghiên cứu những vấn đề cơ bản về giám đốc thẩm và có những kiến nghị, đề xuất có giá trị về mặt

lý luận và thực tiễn. Nhưng một số công trình có phạm vi nghiên cứu quá rộng, ngược lại một số công trình chỉ nghiên cứu một số khía cạnh nhất định liên quan đến kháng nghị giám đốc thẩm, trong TTHS.

Xuất phát từ lý do trên, tác giả đã chọn đề tài: “*Giám đốc thẩm trong luật tố tụng hình sự Việt Nam (trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Lắk)*” làm luận văn Thạc sĩ Luật học của mình.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu: Mục đích của luận văn là nghiên cứu các quy định của pháp luật và thực tiễn áp dụng các quy định về thủ tục xét lại bản án có hiệu lực theo trình tự giám đốc thẩm. Từ đó luận văn đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định về thủ tục xét lại bản án có hiệu lực theo trình tự giám đốc thẩm trong luật tố tụng hình sự Việt Nam, cũng như đề xuất những giải pháp khắc phục hạn chế, nâng cao hiệu quả của công tác giám đốc thẩm trong bối cảnh cải cách tư pháp trên tinh thần của Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị nhằm xây dựng tại Việt Nam hệ tố tụng hoàn chỉnh.

Nhiệm vụ nghiên cứu: Để đạt được mục tiêu trên, trong quá trình nghiên cứu phải thực hiện được các nhiệm vụ sau: Nghiên cứu một cách toàn diện, có hệ thống những vấn đề lý luận về thủ tục xét lại các bản án có hiệu lực nhằm đưa ra những khái niệm, khái quát các quy định của pháp luật nước ta cũng như của một số nước trên thế giới; Nghiên cứu những quy định cụ thể về thủ tục xét lại bản án có hiệu lực theo trình tự giám đốc thẩm trong Bộ luật tố tụng hình sự hiện hành của Việt Nam, từ đó rút ra những tồn tại, hạn chế của các quy định về thủ tục giám đốc thẩm trong luật thực định Việt Nam cần khắc phục; Nghiên cứu, đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định về thủ tục xét lại bản án có hiệu lực theo trình tự giám đốc thẩm, đồng thời phân tích làm rõ những tồn tại, hạn chế xung quanh việc áp dụng và những nguyên nhân của nó; Nghiên cứu đề xuất các

giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác giám đốc thẩm theo tinh thần cải cách tư pháp.

4. Phạm vi nghiên cứu

Làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận về thủ tục xét lại bản án có hiệu lực theo trình tự giám đốc thẩm như: đặc điểm, khái niệm, ý nghĩa của giám đốc thẩm trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Những quy định của pháp luật thực định thể hiện nội dung của chế định giám đốc thẩm cũng như nghiên cứu thực tiễn áp dụng chế định này trong hoạt động giám đốc thẩm ở tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên nhân của thực trạng giám đốc thẩm ở tỉnh Đắk Lắk những năm qua và đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả của hoạt động giám đốc thẩm trước yêu cầu của cải cách tư pháp.

5. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận chủ nghĩa duy vật lịch sử và chủ nghĩa duy vật biện chứng mác-xít, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng Nhà nước pháp quyền, về vấn đề cải cách tư pháp được thể hiện trong các Nghị quyết Đại hội Đảng VIII, IX, X, XI, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 26/5/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 của Bộ Chính trị và Kết luận số 79-KL/TW ngày 28/7/2010 của Bộ Chính trị.

Trong quá trình nghiên cứu đề tài, tác giả luận văn đã sử dụng các phương pháp cụ thể và đặc thù của khoa học luật tố tụng hình sự như: phương pháp phân tích và tổng hợp; phương pháp so sánh, đối chiếu; phương pháp thống kê...

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn

Kết quả nghiên cứu của luận văn có ý nghĩa quan trọng về phương diện lý luận và thực tiễn trước yêu cầu cải cách tư pháp. Đồng thời luận văn sẽ

là một tài liệu tham khảo cần thiết và bổ ích dành cho các nhà nghiên cứu, các cán bộ giảng dạy pháp luật, các nghiên cứu sinh, học viên cao học và sinh viên thuộc chuyên ngành Tư pháp hình sự tại các cơ sở đào tạo luật. Về phương diện thực tiễn, kết quả nghiên cứu của luận văn còn phục vụ cho việc trang bị những kiến thức chuyên sâu cho các cán bộ thực tiễn đang công tác tại Viện kiểm sát, Tòa án nói chung và trên địa bàn tỉnh Daklak nói riêng trong công tác giám đốc thẩm.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về thủ tục giám đốc thẩm trong tố tụng hình sự.

Chương 2: Thực trạng giám đốc thẩm.

Chương 3: Hoàn thiện pháp luật và những giải pháp nâng cao hiệu quả giám đốc thẩm đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp.

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THỦ TỤC GIÁM ĐỐC THẨM TRONG TỐ TỤNG HÌNH SỰ

1.1. Khái niệm giám đốc thẩm

Theo thuyết tam quyền phân lập của Montesquieu thì trong nhà nước có ba loại quyền lực: Quyền lập pháp; quyền hành pháp; quyền tư pháp. Ba quyền này được trao cho ba hệ thống cơ quan tương ứng là: Cơ quan Lập pháp, cơ quan Hành pháp, cơ quan Tư pháp. Hiện nay, trên thế giới có rất nhiều quốc gia tổ chức bộ máy nhà nước theo mô hình này. Trong đó quyền Tư pháp được trao cho hệ thống Tòa án.

Có thể nói, Tòa án có vị trí và vai trò đặc biệt, là biểu hiện và tập trung nhất của quyền Tư pháp vì Tòa án thực hiện chức năng xét xử, nơi mà kết quả của hoạt động điều tra, truy tố, bào chữa được kiểm tra, xem xét một cách công khai thông qua thủ tục tố tụng luật định để đưa ra những phán quyết có tính chất quyền lực nhà nước, phản ánh đầy đủ, sâu sắc nhất chính sách pháp luật của một quốc gia.

Tòa án là cơ quan xét xử của nhà nước. Hoạt động xét xử của tòa án là *“Hoạt động nhân danh quyền lực nhà nước nhằm xem xét, đánh giá và ra phán quyết về tính hợp pháp và tính đúng đắn của hành vi pháp luật”*.

Trên cơ sở nghiên cứu về lý luận và thực tiễn áp dụng các quy định của BLTTHS về giám đốc thẩm, chúng tôi cho rằng: *Giám đốc thẩm là thủ tục tố tụng đặc biệt để xét lại bản án, quyết định của Tòa án đã có HLPL, nhưng bị người có thẩm quyền kháng nghị vì phát hiện có vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong việc xử lý vụ án hoặc có tình tiết mới có thể làm thay đổi cơ bản nội dung của bản án, quyết định đã có HLPL mà Tòa án không biết được khi ra bản án, quyết định đó, nhằm đảm bảo cho việc giải quyết vụ án được đúng pháp luật.*

Như vậy, để giải quyết vụ án theo thủ tục giám đốc thẩm thì trước hết phải có kháng nghị của người có thẩm quyền, được ban hành theo một trình tự, thủ tục chặt chẽ, trên cơ sở căn cứ do BLTTHS quy định. Văn bản kháng nghị phải có những lập luận, đánh giá về các tình tiết của vụ án và phải chỉ ra được sai lầm trong áp dụng pháp luật của Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm; vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án hoặc có tình tiết mới được phát hiện có thể làm thay đổi cơ bản nội dung của bản án, quyết định đã có HLPL. Đây là văn bản tố tụng mang tính chất pháp lý và là cơ sở để xét lại vụ án theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm.

1.2. Vai trò, ý nghĩa của giám đốc thẩm trong quá trình giải quyết vụ án

Khi phát hiện những vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc những tình tiết mới trong bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật, tòa án có thẩm quyền giám đốc thẩm sẽ hủy bản án hoặc quyết định đó để xét xử lại hoặc đình chỉ vụ án. Thông qua hoạt động của mình, Tòa án đã góp phần giáo dục ý thức pháp luật cho các cán bộ làm công tác xét xử. nội dung quyết định giám đốc thẩm sẽ chỉ rõ những sai lầm về phương diện pháp luật trong việc xét xử của Tòa án các cấp, đồng thời hướng dẫn cách khắc phục những sai sót đó. Những sai lầm này được nêu trong các hội nghị tổng kết ngành, hội thảo về xét xử giúp cán bộ làm công tác xét xử nói chung có được nhận thức đúng đắn và tôn trọng pháp luật hơn. Thông qua giám đốc thẩm, tái thẩm. Tòa án nhân dân tối cao sẽ hướng dẫn việc áp dụng pháp luật một cách đúng đắn, thống nhất, tránh việc nhận thức pháp luật sai lầm và áp dụng pháp luật một cách tùy tiện.

Vấn đề bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân được coi là yêu cầu trung tâm của nội dung nhà nước pháp quyền, thể hiện bản chất tốt đẹp của Nhà nước ta. Tòa án trong hoạt động của mình đảm bảo việc xét xử đúng đắn, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân. Tuy Tòa án cấp giám đốc thẩm không trực tiếp xét xử vụ án, không trực tiếp khôi phục các quyền và lợi ích hợp pháp đã bị xâm hại nhưng bằng việc hủy những bản án, quyết định sai đã tạo cơ sở pháp lý để vụ án được phục hồi và xét xử lại nên đã góp phần khắc phục những vi phạm quyền lợi hợp pháp của nhân dân.

Giám đốc thẩm có nhiệm vụ xét lại những bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật, vô hiệu các bản án, quyết định sai trái, đảm bảo xét xử hợp pháp và hợp hiến. Với mục đích này, giám đốc thẩm góp phần đảm bảo nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa, đảm bảo tính thống nhất, ổn định chặt chẽ của nhà nước và pháp luật.

1.3. Giám đốc thẩm trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam từ năm 1945 đến nay

Giám đốc thẩm là thủ tục tố tụng quan trọng trong Luật Tố tụng hình sự Việt Nam. Nghiên cứu các văn bản quy phạm pháp luật tố tụng hình sự của Nhà nước ta về giám đốc thẩm ở mỗi giai đoạn cho thấy có những sửa đổi, bổ sung, phù hợp với nhận thức, mức độ phát triển xã hội và đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn đặt ra trong từng giai đoạn lịch sử của đất nước.

1.3.1. Giám đốc thẩm từ năm 1945 đến năm 1960

Cách mạng Tháng 8 thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hoà được thành lập. Từ ngày giành được chính quyền về tay nhân dân, do văn bản pháp luật còn thiếu, Nhà nước ta cho phép áp dụng những luật lệ của chế độ cũ trừ những điều khoản trái với nguyên tắc độc lập, chủ quyền, thống nhất lãnh thổ của tổ quốc. Đồng thời Chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hoà ban hành một số sắc lệnh điều chỉnh tổ chức và hoạt động của cơ quan tư pháp để củng cố và hoàn thiện bộ máy tư pháp.

1.3.2 Giám đốc thẩm từ năm 1960 đến trước năm 2003:

+ Giai đoạn từ năm 1960 đến 1992:

Hiến pháp 1959 được Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hoà thông qua ngày 31.12.1959 thay thế Hiến pháp 1946. Trong Hiến pháp 1959 đã quy định lại vị trí, chức năng, nhiệm vụ của Toà án nhân dân, của Viện kiểm sát nhân dân. Theo đó khi bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật phát hiện có vi phạm nghiêm trọng pháp luật hình sự thì chỉ có Toà án nhân dân tối cao có quyền giám đốc xét xử đối với Toà án nhân dân địa phương, Toà án quân sự và Toà án đặc biệt. Việc giám đốc được quy định tại Điều 103 Hiến pháp 1959. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng nhất quy định về chức năng giám đốc thẩm của Toà án nhân dân tối cao.

1.4 Giám đốc thẩm trong luật tố tụng hình sự một số nước:

Giám đốc thẩm trong tố tụng hình sự một số nước nói chung và của

Việt Nam nói riêng đều cho thấy vai trò trong việc xác định chính xác sự thật khách quan đối với những bản án hoặc quyết định sau khi có hiệu lực pháp luật có sự vi phạm. Để khắc phục hậu quả đó thủ tục giám đốc thẩm được quy định với mục đích nhằm kịp thời sửa chữa khắc phục những sai lầm trong bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật khi có kháng nghị của người có thẩm quyền, cơ quan có thẩm quyền. Việc sửa chữa được thực hiện thông qua quyết định của Hội đồng giám đốc thẩm hoặc cơ quan có thẩm quyền. Bằng các quyết định của mình Hội đồng giám đốc thẩm hoặc cơ quan có thẩm quyền không chỉ khắc phục gián tiếp bằng hủy án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại hoặc xét xử lại. Thông qua việc giám đốc thẩm còn trực tiếp sửa chữa sai lầm bằng quyết định hủy bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG GIÁM ĐỐC THẨM

2.1 Pháp luật tổ tụng hình sự hiện hành về giám đốc thẩm.

2.1.1 Kháng nghị giám đốc thẩm:

2.1.1.1 Đối tượng kháng nghị:

Khác với kháng cáo sơ thẩm, kháng nghị phúc thẩm, đối tượng của kháng nghị giám đốc thẩm không phải là những bản án và những quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật mà nó bao gồm những bản án, quyết định của toà án đã có hiệu lực pháp luật, cụ thể như sau:

2.1.1.2 Căn cứ kháng nghị:

Những quyết định hoặc bản án của Toà án đã có hiệu lực pháp luật khi phát hiện có vi phạm pháp luật đều phải được kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm. Trước khi có BLTTHS năm 1988 việc kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm được tiến hành trên cơ sở Thông tư 06-TC ngày

23/7/1964 của TANDTC trong đó quy định: “ Những bản án hoặc quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị là những bản án hoặc quyết định có sai lầm ”. Còn “sai lầm” được hiểu rất chung chung, không được chỉ ra cụ thể thế nào coi là có sai lầm. Do vậy, mà các quyết định kháng nghị, các quyết định giám đốc thẩm của Tòa án nhân dân tối cao được coi là chuẩn mực và thành án lệ để Tòa án địa phương học tập. Căn cứ kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm lần đầu tiên được quy định tương đối đầy đủ trong BL TTHS năm 1988 (Điều 242) và hiện nay được quy định trong Điều 273 BL TTHS năm 2003. Đây cũng là bước phát triển về trình độ lập pháp ở nước ta.

2.1.2 Thẩm quyền giám đốc thẩm.

Xét xử giám đốc thẩm là giai đoạn tố tụng quan trọng và có nhiều đặc thù so với xét xử sơ thẩm và phúc thẩm. Nó quyết định việc chấp nhận hay bác bỏ các yêu cầu kháng nghị cho rằng bản án đã có hiệu lực pháp luật có sai lầm nghiêm trọng. Qua đó đảm bảo việc đưa bản án đã có hiệu lực pháp luật ra thi hành đúng đắn, phù hợp với chân lí khách quan. Như vậy, thẩm quyền giám đốc thẩm các vụ án của Tòa án là tập hợp các quy phạm pháp luật tố tụng hình sự liên quan đến việc giao vụ án mà bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị cho Tòa án cấp nào giải quyết, phạm vi các vấn đề cần giải quyết, quyền ra các quyết định của Tòa án cấp giám đốc thẩm trong quá trình giải quyết vụ án nhằm đạt được yêu cầu đặt ra.

2.1.4. Vai trò của Viện kiểm sát trong giám đốc thẩm.

Các viện kiểm sát các cấp không chỉ có quyền mà còn có nghĩa vụ phát hiện và báo cho những người có quyền kháng nghị theo trình tự giám đốc thẩm biết những bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật có vi phạm pháp luật.

Trong thực tế, các viện kiểm sát thường phát hiện những vi phạm pháp luật

trong những bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật qua việc theo dõi công tác xét xử của tòa án các cấp, qua việc kiểm tra của tòa án cấp trên đối với tòa án cấp dưới hoặc việc kiểm tra của các tòa án, qua công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo và các hội nghị báo cáo sơ kết, tổng kết công tác của tòa án.

2.2 Thực trạng giám đốc thẩm (trên số liệu của tỉnh Đắk Lắk từ năm 2009 đến năm 2013).

2.2.1 Tình hình giám đốc thẩm (5 năm):

Trong những năm gần đây, số vụ án hình sự trong toàn tỉnh Đắk Lắk bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm có chiều hướng gia tăng. Từ năm 2009 đến năm 2013, số vụ án hình sự bị kháng nghị và đưa ra xét xử giám đốc thẩm ở cấp tòa giám đốc thẩm Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk là 42 vụ, được mô tả trong bảng thống kê sau:

<i>Năm</i>	<i>TL</i>		<i>Giải quyết</i>		<i>Còn lại</i>	
	<i>Vụ</i>	<i>Bị cáo</i>	<i>Vụ</i>	<i>Bị cáo</i>	<i>Vụ</i>	<i>Bị cáo</i>
<i>2009</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
<i>2010</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
<i>2011</i>	<i>14</i>	<i>32</i>	<i>14</i>	<i>32</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
<i>2012</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
<i>2013</i>	<i>8</i>	<i>18</i>	<i>8</i>	<i>18</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
<i>Tổng</i>	<i>42</i>	<i>73</i>	<i>42</i>	<i>73</i>	<i>0</i>	<i>0</i>

1. Kháng nghị giám đốc thẩm:

Căn cứ kháng nghị: Qua nghiên cứu số liệu và các bản án, quyết định nói trên có thể thấy cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định kháng nghị dựa vào những căn cứ quy định tại Điều 273 BLHS nhưng trong nhiều trường hợp chưa đưa ra những căn cứ rõ ràng, cụ thể. Trong đa phần những quyết định kháng nghị giám đốc thẩm dùng rất nhiều căn cứ để ra quyết định kháng nghị, điều này cho thấy việc xét xử của các cấp toà sơ thẩm, phúc thẩm chưa thật sự hiệu quả, có nhiều sai phạm...

2. Thẩm quyền giám đốc thẩm:

Qua nghiên cứu thực tế xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, chúng tôi thấy việc phân định thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm theo quy định tại điều 279 BLTTHS còn bộc lộ nhiều thiếu sót mà thực tế xét xử và nghiên cứu lý luận đang yêu cầu bổ sung.

3. Quyết định giám đốc thẩm

Theo quy định tại Điều 285 quy định về thẩm quyền của Hội đồng giám đốc thẩm. Hội đồng giám đốc thẩm có quyền ra quyết định: không chấp nhận kháng nghị và giữ nguyên bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật; hủy bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án; hủy bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại hoặc xét xử lại. Nhưng trong thực tế qua nghiên cứu các quyết định giám đốc thẩm của Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk trong rất nhiều trường hợp ra quyết định hủy một phần bản án để điều tra, xét xử lại mà quyết định này không được quy định trong Điều 285.

4. Vai trò của viện kiểm sát trong giám đốc thẩm:

Về số lượng các vụ án bị kháng nghị cũng như trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh đối với công tác kiểm sát giám đốc thẩm cho thấy công tác này ở Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh chưa được quan tâm đúng mức, chưa phản ánh thực trạng công tác kiểm sát xét xử của các Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh đối với các bản án hoặc các quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án cấp huyện.

CHƯƠNG 3

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁM ĐỐC THẨM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CẢI CÁCH TƯ PHÁP

3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam năm 2003 về giám đốc thẩm.

3.1.1. Bất cập từ thực tiễn giám đốc thẩm.

Thứ nhất: Chưa có giải thích về việc điều tra xét hỏi tại phiên tòa như thế nào là phiên diện hoặc không đầy đủ. Điều này gây trở ngại cho những người tiến hành tố tụng xác định là căn cứ để kháng nghị giám đốc thẩm. Nhưng theo quan điểm của một số nhà khoa học pháp lý hiện nay, việc điều tra xét hỏi tại phiên tòa phiên diện là việc điều tra không khách quan, có định kiến trước, chỉ chú ý đến chứng cứ buộc tội hoặc chứng cứ gỡ tội. Còn việc điều tra xét hỏi tại phiên tòa không đầy đủ là hoạt động điều tra tại phiên tòa còn thiếu những tình tiết, những chứng cứ mà theo quy định của luật tố tụng phải được xem xét tại phiên tòa, nếu thiếu nó thì chưa đủ căn cứ xác định bị cáo có phạm tội hay không.

Thứ hai: Kết luận trong bản án hoặc quyết định không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án là không phản ánh đúng bản chất của vụ việc phạm tội. Cách giải thích chưa phân biệt nguyên nhân việc kết luận của Tòa án không phù hợp những tình tiết khách quan của vụ án và dễ lẫn với căn cứ kháng nghị Tái thẩm.

Thứ ba: Có quan điểm cho rằng vi phạm nghiêm trọng trọng thủ tục tố tụng là những vi phạm dẫn đến hậu quả tước bỏ, làm hạn chế quyền, lợi ích người tham gia tố tụng và ảnh hưởng đến trình tự tố tụng và việc xác định sự thật của vụ án. Có người lại cho rằng việc xác định thế nào là nghiêm trọng hay không nghiêm trọng hoàn toàn phụ thuộc vào sự đánh giá của người có thẩm quyền kháng nghị, căn cứ vào quy định của BLHS và thực tiễn công tác giám đốc xét xử.

Thứ tư: Trong BLTTHS không quy định trường hợp cụ thể được coi là có những sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng BLHS và cũng không có bất cứ một hướng dẫn nào của cơ quan có thẩm quyền giải thích vấn đề này.

3.1.2. Yêu cầu nâng cao hiệu quả của giám đốc thẩm trong bối cảnh cải

cách tư pháp

Trong những năm qua, nhất là từ khi Bộ luật Tố tụng hình sự được sửa đổi, bổ sung vào năm 2003, các thủ tục về giám đốc thẩm đã phù hợp hơn với thực tiễn hoạt động tư pháp ở Việt Nam, hiệu quả áp dụng đã được ghi nhận thông qua các báo cáo tổng kết công tác hàng năm của Ngành Toà án. Tuy nhiên, thực tiễn hoạt động giám đốc thẩm của các cơ quan tiến hành tố tụng thời gian qua cho thấy, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự hiện hành về thủ tục giám đốc thẩm nói chung, quy định về thủ tục phiên toà giám đốc thẩm nói riêng vẫn còn những vướng mắc, bất cập cần được nghiên cứu, hoàn thiện. Mặt khác, trong giai đoạn hiện nay, Đảng và Nhà nước ta đã có những chủ trương cải cách tư pháp nhằm hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự, trong đó có thủ tục giám đốc thẩm. Cụ thể, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã xác định hướng hoàn thiện pháp luật tố tụng về giám đốc thẩm, tái thẩm như sau: “Từng bước hoàn thiện thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm theo hướng quy định chặt chẽ những căn cứ kháng nghị và quy định rõ trách nhiệm của người ra kháng nghị đối với bản án hoặc quyết định của Toà án đã có hiệu lực pháp luật; khắc phục tình trạng kháng nghị tràn lan, thiếu căn cứ”. Vì vậy, việc nghiên cứu, hoàn thiện thủ tục phiên toà giám đốc thẩm đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp là rất cần thiết.

3.2. Nội dung sửa đổi, bổ sung các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về giám đốc thẩm.

3.2.1. Về những người có quyền đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm:

Theo Điều 274 BLTTHS Việt Nam thì: “*Người bị kết án, cơ quan, tổ chức và mọi công dân có quyền phát hiện những vi phạm pháp luật trong các bản án và quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật và thông báo cho những người có quyền kháng nghị quy định tại Điều 275 của Bộ*

luật này. Trong trường hợp phát hiện thấy những vi phạm pháp luật trong bản án hoặc quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, Viện kiểm sát, Tòa án phải thông báo cho người có quyền kháng nghị...”. Qua nghiên cứu luật tố tụng hình sự của các nước thấy pháp luật của Việt Nam quy định quá rộng đối tượng có quyền phát hiện, đề xuất kháng nghị giám đốc thẩm. Theo Điều 203 BLTTHS Trung Quốc, chỉ có *đương sự hoặc người đại diện hợp pháp theo pháp luật hoặc họ hàng thân thích của họ* có thể nộp đơn đến Tòa án nhân dân hoặc Viện kiểm sát nhân dân yêu cầu xem xét lại tính pháp lý của bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Điều 402 BLTTHS Liên bang Nga quy định: *Người bị kết án, người được Tòa án tuyên vô tội, người bào chữa hoặc người đại diện hợp pháp của họ, người bị hại, người đại diện hợp pháp của họ cũng như Kiểm sát viên* có quyền kháng cáo, kháng nghị về việc xét lại bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

3.2.2. Về căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm.

Thứ nhất: Căn cứ về việc “*điều tra xét hỏi tại phiên tòa phiên diện hoặc không đầy đủ*” cần được sửa đổi theo hướng bỏ ba chữ “*tại phiên tòa*”. Nội dung của căn cứ này sẽ là: Việc điều tra xét hỏi phiên diện hoặc không đầy đủ. Tương tự như thẩm quyền của Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại khi thấy việc điều tra ở cấp sơ thẩm (chứ không phải chỉ có tại phiên tòa) không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể tự bổ sung được.

Thứ hai: Bỏ căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm và thẩm quyền của Hội đồng giám đốc thẩm khi phát hiện “*Kết luận của bản án hoặc quyết định không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án*” quy định tại khoản 2 Điều 273 với những lý do sau:

Thứ ba: Khoản 3 Điều 273 BLTTHS quy định rất chung chung là “*Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong khi điều tra, truy tố hoặc xét*

xử”, nên thực tiễn xét xử gặp nhiều vướng mắc, việc áp dụng pháp luật không thống nhất. Nghiên cứu pháp luật tố tụng hình sự của một số nước cho thấy họ quy định rất cụ thể.

Thứ tư: Căn cứ thứ tư: “Có những sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng Bộ luật hình sự”. Những sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng Bộ luật hình sự phải là những sai lầm trong việc giải quyết những vấn đề thuộc về nội dung quan trọng của vụ án như.

3.2.3. Về thẩm quyền giám đốc thẩm

Nghị quyết số 49-NQ/TW về Chiến lược cải cách tư pháp đã xác định, một trong những nhiệm vụ cải cách tư pháp là “từng bước hoàn thiện thủ tục giám đốc thẩm”, “xây dựng, hoàn thiện tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân”, vì thế đổi mới những quy định về giám đốc thẩm là hết sức cần thiết để đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp đề ra.

Do đó, phải đổi mới việc tổ chức thực hiện thẩm quyền giám đốc thẩm vì đây là hai vấn đề bất cập lớn nhất hiện nay. Hiện, trình tự giám đốc thẩm được tiến hành tới ba lần chỉ ở một cấp xét xử là TANDTC. Chính vì vậy, có ý kiến cho rằng, hệ thống Tòa án hiện nay không phải ba cấp mà tới năm cấp, thậm chí là sáu cấp Tòa án. Những bất cập này cần phải được khắc phục trong một hệ thống tổ chức Tòa án hợp lý hơn. Theo đó cần bảo đảm, mỗi cấp Tòa án về cơ bản phải tương đương với một cấp xét xử và hệ thống xét xử cần phải có điểm dừng.

Điều 279. Thẩm quyền giám đốc thẩm

1. *Tòa án nhân dân cấp cao giám đốc thẩm những bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp dưới. Tòa án quân sự trung ương giám đốc thẩm những bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án quân sự cấp dưới bị kháng nghị.*

2. *Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao giám đốc thẩm những bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp*

cao, của Tòa án quân sự trung ương, đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị.

3. Những bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật về cùng một vụ án hình sự thuộc thẩm quyền giám đốc thẩm của các cấp khác nhau được quy định tại các khoản 1, 2 của Điều này thì Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao giám đốc thẩm toàn bộ vụ án.

3.2.4. Về thời hạn giám đốc thẩm.

Thời hạn giám đốc thẩm được quy định tại Điều 283 BLTTHS là “Phiên tòa giám đốc thẩm phải được tiến hành trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày nhận được kháng nghị”. Như vậy, điều luật quy định thời hạn xét xử chung cho các cấp giám đốc thẩm từ Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp tỉnh đến Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đều là 4 tháng và không quy định gia hạn thời hạn xét xử giám đốc thẩm.

3.2.5. Về quyền hạn của Hội đồng giám đốc thẩm.

Thứ nhất: Về phạm vi giám đốc thẩm, Theo điều 284 BLTTHS thì “Hội đồng giám đốc thẩm phải xem xét toàn bộ vụ án mà không chỉ hạn chế trong nội dung của kháng nghị”.

Xem xét toàn bộ vụ án theo trình tự giám đốc thẩm là thể hiện thẩm quyền giám đốc kiểm tra của tòa án cấp trên đối với Tòa án cấp dưới về tính hợp pháp của bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật thi hành. Ngoài những yêu cầu của kháng nghị tòa án cấp giám đốc thẩm còn có trách nhiệm xem xét toàn diện, khách quan đầy đủ mọi tình tiết của vụ án nhằm phát hiện những sai lầm khác (nếu có) để có biện pháp khắc phục kịp thời, tránh tình trạng một vụ án phải đưa ra nghiên cứu theo thủ tục giám đốc thẩm nhiều lần chia cắt thành nhiều mảng.

3.3. Những giải pháp nâng cao hiệu quả giám đốc thẩm.

- Về xây dựng pháp luật

Quá trình tìm hiểu các quy phạm pháp luật về giám đốc thẩm được

quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự, chúng tôi đề nghị sửa đổi bổ sung một số điều luật sau:

Điều 273 căn cứ để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm

Bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm khi có một trong những căn cứ sau:

1. Việc điều tra, xét hỏi phiến diện hoặc không đầy đủ.
2. Có sự vi phạm nghiêm trọng trong thủ tục tố tụng trong khi điều tra, truy tố hoặc xét xử.
3. Có những sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng Bộ luật hình sự.

Điều 279. Thẩm quyền giám đốc thẩm

1. *Tòa án nhân dân cấp cao giám đốc thẩm những bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp dưới. Tòa án quân sự trung ương giám đốc thẩm những bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án quân sự cấp dưới bị kháng nghị.*

2. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao giám đốc thẩm những bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp cao, của Tòa án quân sự trung ương, đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị.

3. Những bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật về cùng một vụ án hình sự thuộc thẩm quyền giám đốc thẩm của các cấp khác nhau được quy định tại các khoản 1, 2 của Điều này thì Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao giám đốc thẩm toàn bộ vụ án.

Điều 283 Thời hạn giám đốc thẩm

Phiên tòa giám đốc thẩm phải được tiến hành trong thời hạn hai tháng, kể từ ngày nhận được kháng nghị.

Điều 285 quy định về thẩm quyền của Hội đồng giám đốc thẩm có thể sửa đổi, bổ sung như sau:

Hội đồng giám đốc thẩm có các quyền sau đây:

1. Không chấp nhận kháng nghị và giữ nguyên nội dung bản án, quyết định bị kháng nghị.
2. Hủy bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật và giữ nguyên bản án, quyết định đúng pháp luật của Tòa án cấp dưới đã bị hủy hoặc bị sửa.
3. Hủy một phần hoặc toàn bộ bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật để xét xử sơ thẩm lại hoặc xét xử phúc thẩm lại.
4. Hủy bản án, quyết định của Tòa án đã xét xử vụ án và đình chỉ vụ án.

Điều 286 Hủy bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án cần sửa đổi, bổ sung theo hướng khi có căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 107 thì Hội đồng giám đốc thẩm phải ra quyết định hủy bản án đã có hiệu lực pháp luật, tuyên bố người bị kết án không phạm tội và đình chỉ vụ án; nếu có một trong những căn cứ quy định tại các điểm 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 107 thì hủy bản án đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án.

- Về áp dụng pháp luật:

Áp dụng pháp luật đúng sẽ đảm bảo hiệu quả cao nhất của công tác giám đốc thẩm. Như vậy, các quy phạm pháp luật phải được áp dụng một cách chính xác, nghiêm minh. Khi có một hệ thống quy phạm pháp luật tổ tụng hình sự về giám đốc thẩm một cách hoàn thiện, chặt chẽ nhưng việc đưa vào áp dụng trong những trường hợp cụ thể lại không đúng với tinh thần điều luật thì không những bản án hoặc quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật có sai lầm không được sửa chữa mà có khi còn dẫn tới sai lầm khác.

Vào thời điểm này, hệ thống pháp luật nước ta đang trong quá trình hoàn thiện. Vì vậy, muốn nâng cao hiệu quả giám đốc thẩm thì việc áp dụng pháp luật đúng đắn càng được chú trọng.

Muốn áp dụng pháp luật chính xác ta phải nghiên cứu kỹ các quy định của pháp luật về giám đốc thẩm, hiểu đúng và nắm chắc nội dung của các quy định này. Đối với những điều luật quy định còn chung chung, thiếu sót thì mỗi cán bộ làm công tác giám đốc thẩm phải nỗ lực nghiên cứu, tìm hiểu các quy định để áp dụng cho đúng với tinh thần pháp luật và kiến nghị với những người có thẩm quyền để hoàn thiện, bổ sung thêm cho phù hợp.

Đẩy mạnh hơn nữa hoạt động của Toà án nhân dân tối cao trong việc hướng dẫn thống nhất các quy định về giám đốc thẩm, tiến hành nghiên cứu tìm ra những thiếu sót, quy định chưa chặt chẽ và ban hành các văn bản giải thích, hướng dẫn áp dụng quy định này; đối với những thắc mắc của Toà án cấp dưới phải kịp thời giải đáp.

Một hoạt động cũng góp phần nâng cao hiệu quả giám đốc thẩm đó là việc tổng kết thực tiễn, xây dựng các án lệ về giám đốc thẩm phục vụ cho chính hoạt động này. Theo định kỳ, các cấp Toà án có chức năng giám đốc thẩm cần trao đổi rút kinh nghiệm về công tác này thống kê số lượng, phát huy những mặt đạt được, khắc phục những hạn chế còn mắc phải.

- Về cán bộ:

Để thực hiện tốt công tác giám đốc thẩm trước hết phải hoàn thiện quy phạm pháp luật, đồng thời đảm bảo những người được phân công thực hiện nhiệm vụ giám đốc thẩm phải là những người có trình độ chuyên môn giỏi, có khả năng phát hiện nhanh, chính xác những sai phạm của các bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, tận tụy với công việc. Muốn thực hiện tốt việc này, trước hết về phía tổ chức lãnh đạo phải thường xuyên quan tâm đến việc tuyển chọn, sắp xếp, đào tạo bồi dưỡng đối với một số cán bộ được giao làm công tác giám đốc thẩm và bản thân họ cũng phải tự giác tích cực rèn luyện học tập để không ngừng nâng cao trình độ về mọi mặt thông qua thực tiễn hoạt

động giám đốc thẩm, vừa làm, vừa học, vừa rút kinh nghiệm. Mặt khác, để họ thực hiện tốt trách nhiệm của mình đối với công tác giám đốc thẩm thì cần có quy chế cụ thể, có hình thức kỷ luật nghiêm khắc với cán bộ nào có hành vi vi phạm pháp luật trong khi thực hiện nhiệm vụ, nghiêm túc tiến hành nhận xét, đánh giá về trách nhiệm, phẩm chất đạo đức, năng lực trình độ cán bộ; đồng thời nghiên cứu quy định thời hạn bổ nhiệm đối với cán bộ có chức danh tư pháp.

- Về tổ chức thực hiện giám đốc thẩm

Hiện nay, công tác giám đốc thẩm vẫn chưa đạt được hiệu quả cao, sự phân công nhiệm vụ giữa Thẩm phán, Thẩm tra viên, cán bộ nghiên cứu còn chông chéo. Ngoài ra việc tổ chức theo dõi thi hành các quyết định giám đốc thẩm chưa được quan tâm đúng mức. Thực tế đã có trường hợp quyết định giám đốc thẩm ban hành nhiều năm nhưng chưa được thi hành. Trước mắt, cần tiến hành giải quyết án tồn đọng, đồng thời tiếp tục nghiên cứu đưa ra mô hình quản lý thống nhất công tác thi hành án hình sự, thi hành án dân sự và các loại án khác. Trong tác nghiệp thi hành án, cần kết hợp giữa hoạt động có tính chất chuyên môn nghiệp vụ của các cơ quan thi hành án với việc từng bước xã hội hoá một số công việc trong thi hành án

KẾT LUẬN

Giám đốc thẩm trong Luật tố tụng hình sự là một giai đoạn tố tụng đặc biệt nhằm xét lại bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật nhưng phát hiện có vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án. Thông qua thủ tục này Toà án cấp trên thực hiện chức năng giám đốc xét xử đối với Toà án cấp dưới, kịp thời khắc phục những vi phạm pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng khi xử lý vụ án hình sự, bảo vệ quyền, lợi ích của công dân, cũng thông qua thủ tục giám đốc thẩm Toà án nhân dân tối cao tổng kết công tác xét xử để áp dụng pháp luật được thống nhất.

Chế định giám đốc thẩm quy định tại Phần 6 Chương XXX quy định từ khâu phát hiện kháng nghị và xét xử giám đốc thẩm nhưng đến nay đã bộc lộ một số bất cập, văn bản hướng dẫn chưa cụ thể nên trong thực tiễn áp dụng còn hiểu khác nhau, vận dụng khác nhau. Trong quá trình cải cách tư pháp chế định giám đốc thẩm cũng có những thay đổi. Vì vậy, đề thay đổi cho phù hợp với những quy định mới và nâng cao hiệu quả giám đốc thẩm trong thời gian tới, ngành Tòa án cần khắc phục những mặt còn tồn tại của hoạt động giám đốc thẩm, xây dựng hoàn chỉnh các quy định về giám đốc thẩm: áp dụng và tuân thủ đúng việc kháng nghị, xét xử giám đốc thẩm, tổ chức thi hành quyết định giám đốc thẩm; tuyển chọn, đào tạo đội ngũ cán bộ có chuyên môn giỏi, có phẩm chất đạo đức tốt; thường xuyên tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm để vận dụng pháp luật được phù hợp.

Đề cụ thể hoá những đường lối đổi mới trong các Nghị quyết của Đảng và nhà nước về chế định giám đốc thẩm, những thay đổi về giám đốc thẩm trong Luật tổ chức Tòa án nhân dân được sửa đổi bổ sung trong năm 2002; việc Tòa án được tổ chức theo bốn cấp xét xử theo Kết luận số 79-KL/TW năm 2010 về Đề án đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án, Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra theo Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đòi hỏi Bộ luật tố tụng hình sự phải sửa đổi một cách toàn diện trong đó bao gồm cả việc sửa đổi các quy định về giám đốc thẩm. Qua đó mới nâng cao hiệu quả xét xử giám đốc thẩm và bảo đảm bản án hoặc quyết định được ban hành đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, giữ vững lòng tin của nhân dân đối với chế độ tốt đẹp của chúng ta.